

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34 /2016/QĐ-UBND

*Đà Nẵng, ngày 01 tháng 11 năm 2016*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ  
thành phố Đà Nẵng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định nội dung và mức kinh phí hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1759/TTr-SCT ngày 12 tháng 10 năm 2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và chính sách hỗ trợ theo Quy định này được áp dụng thực hiện kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Huỳnh Đức Thọ**

**QUY ĐỊNH**

**Chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ, chính sách ưu đãi đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng; trình tự, thủ tục xét duyệt hỗ trợ, ưu đãi và hậu kiểm hỗ trợ, ưu đãi đối với dự án đầu tư phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi chung là nhà đầu tư).

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện Quy định này.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Công nghiệp hỗ trợ (sau đây viết tắt là CNHT) là các ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

2. Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Danh mục ưu tiên) là các sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này, được điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của thành phố Đà Nẵng theo từng thời kỳ.

3. Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động xúc tiến, trợ giúp phát triển CNHT, do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xây dựng và điều chỉnh theo từng thời kỳ nhằm mục tiêu phát triển sản xuất các sản phẩm CNHT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

4. Dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm CNHT là dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập với các dự án hiện có.

5. Dự án đầu tư mở rộng là dự án đang sản xuất và được mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ để sản xuất sản phẩm CNHT có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%.

#### **Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ, ưu đãi**

1. Nhà đầu tư được hưởng nhiều nội dung hỗ trợ, ưu đãi khác nhau trong Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng.

2. Trường hợp nhà đầu tư được hưởng nhiều ưu đãi cùng loại thì được hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định hiện hành.

3. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, nếu nhà đầu tư đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách khác của Nhà nước thì không được xem xét hỗ trợ.

4. Các dự án đã và đang sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà nước không thuộc đối tượng xem xét ưu đãi vốn tín dụng đầu tư theo Quy định này.

5. Các dự án đã và đang đang thực hiện bằng nguồn ngân sách của Nhà nước không thuộc đối tượng xem xét hỗ trợ, ưu đãi theo Quy định này.

6. Trong nguồn lực ngân sách thành phố có hạn, ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

#### **Điều 5. Điều kiện được hỗ trợ, ưu đãi**

1. Dự án đầu tư phù hợp với Danh mục ưu tiên và cần thiết đối với sự phát triển CNHT thành phố Đà Nẵng.

2. Dự án đầu tư đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế theo quy định hiện hành.

#### **Điều 6. Thẩm quyền quyết định kinh phí hỗ trợ và xác nhận ưu đãi**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định kinh phí hỗ trợ đối với dự án đầu tư phát triển sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên.

2. Sở Công Thương xác nhận ưu đãi đối với dự án đầu tư phát triển sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

#### **Điều 7. Phương thức hỗ trợ, ưu đãi**

1. Đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư, thành phố thực hiện hỗ trợ sau đầu tư. Căn cứ quyết định phê duyệt mức kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo dự toán được giao hằng năm hoặc bổ sung trong năm trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, Sở Công Thương có trách nhiệm giải ngân 100% kinh phí hỗ trợ đối với các dự án đã hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu.

2. Trường hợp chính sách hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên, nhà đầu tư được xem xét hỗ trợ theo tiến độ dự án. Sau khi khởi công dự án, nhà đầu tư được tạm ứng 30% mức kinh phí hỗ trợ.

trợ và được thanh toán tiếp 40% mức kinh phí hỗ trợ theo tiến độ thực hiện hạng mục dự án. Sau khi dự án đã hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu, thành phố giải ngân 30% mức kinh phí hỗ trợ còn lại. Nhà đầu tư phải có văn bản cam kết nếu không thực hiện dự án theo đúng mục đích, tiến độ sẽ hoàn trả kinh phí hỗ trợ đã nhận. Căn cứ quyết định phê duyệt mức kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo dự toán được giao hằng năm hoặc bổ sung trong năm trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát việc thực hiện dự án và giải ngân theo quy định.

3. Để được hưởng các chính sách ưu đãi, dự án đầu tư mới và đầu tư mở rộng phát triển sản xuất sản phẩm CNHT phải được xác nhận thuộc đối tượng ưu đãi. Căn cứ Giấy xác nhận ưu đãi của Sở Công Thương, các cơ quan quản lý nhà nước liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định để được hưởng ưu đãi.

## **Chương II**

### **CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **Điều 8. Nghiên cứu và phát triển công nghệ**

1. Dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được xem xét ưu tiên tài trợ từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng, từ các quỹ, nguồn kinh phí khác dành cho nghiên cứu, phát triển và đào tạo.

2. Dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được hỗ trợ từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng như sau:

a) Được hỗ trợ một phần kinh phí đối với trường hợp tự đầu tư nghiên cứu công nghệ mới, công nghệ thay thế công nghệ nhập khẩu hoặc công nghệ có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả cao. Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành của thành phố về chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ;

b) Được hỗ trợ tối đa đến 50% kinh phí đối với dự án sản xuất thử nghiệm sản phẩm CNHT nhưng không quá 300 triệu đồng/nhà đầu tư. Các nội dung chi hỗ trợ cho dự án sản xuất thử nghiệm sản phẩm CNHT bao gồm chi đầu tư máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, chi phí nguyên vật liệu, chi mua tài liệu kỹ thuật, chi thuê chuyên gia tư vấn, chi phí tiêu thụ năng lượng, chi phí lao động, chi phí kiểm định chất lượng sản phẩm và chi phí quản lý.

3. Dự án xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được hỗ trợ tối đa đến 50% giá trị hợp đồng đầu tư trang thiết bị nghiên cứu từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng nhưng không quá 500 triệu đồng/nhà đầu tư.

#### **Điều 9. Chuyển giao, đổi mới, cải tiến công nghệ**

1. Dự án chuyển giao, đổi mới, cải tiến công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng được hỗ trợ một phần kinh phí từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng. Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành của thành phố về chính sách hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ.

2. Trường hợp dự án sản xuất vật liệu có sử dụng trên 85% nguyên liệu là sản phẩm của quá trình chế biến sâu khoáng sản trong nước bao gồm quặng kim loại, quặng phi kim loại và sản phẩm hóa dầu để phục vụ cho sản xuất sản phẩm CNHT được hỗ trợ tối đa đến 75% chi phí chuyển giao công nghệ theo quy định.

3. Dự án chế tạo thử nghiệm sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được hỗ trợ tối đa đến 50% kinh phí nhưng không quá 100 triệu đồng/nhà đầu tư. Các nội dung chi hỗ trợ cho dự án chế tạo thử nghiệm sản phẩm CNHT bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi mua tài liệu kỹ thuật, chi thuê chuyên gia tư vấn, chi phí tiêu thụ năng lượng, chi phí lao động, chi phí kiểm định chất lượng sản phẩm và chi phí quản lý.

### **Điều 10. Nâng cao năng lực cạnh tranh**

Nhà đầu tư có dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng như sau:

1. Hỗ trợ một phần kinh phí cho các hoạt động xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy. Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành của thành phố về chính sách hỗ trợ đối với các hoạt động này.

2. Hỗ trợ kinh phí đăng ký sở hữu công nghiệp trong nước với mức hỗ trợ 35 triệu đồng/sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và không quá 02 sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp/năm cho một nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư đăng ký nhiều nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp cho một sản phẩm thì chỉ hỗ trợ 01 nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp;

3. Hỗ trợ kinh phí đăng ký sở hữu công nghiệp quốc tế với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp quốc tế và không quá 01 nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp quốc tế/năm cho một nhà đầu tư. Trường hợp đăng ký nhiều nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp cho một sản phẩm thì chỉ hỗ trợ 01 nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp.

### **Điều 11. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

1. Nhà đầu tư có dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được ưu tiên tham gia Đề án Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực doanh nghiệp và chuyên gia quản trị doanh nghiệp và được hưởng các hỗ trợ theo quy định hiện hành của thành phố.

2. Nhà đầu tư có dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho người lao động để phục vụ trực tiếp cho sản xuất sản phẩm CNHT, mức hỗ trợ tối đa 500.000 đồng/người/tháng và hỗ trợ không quá 50 lao động/nhà đầu tư, thời gian đào tạo không quá 03 tháng cho 01 lao động.

### **Điều 12. Xúc tiến thương mại, phát triển thị trường**

1. Nhà đầu tư có dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng, Đề án phát triển thương hiệu cho một số sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ưu tiên của thành phố Đà Nẵng và được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định hiện hành của thành phố.

2. Nhà đầu tư có dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được hỗ trợ từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng như sau:

a) Hỗ trợ 100% chi phí thuê 01 gian hàng tiêu chuẩn tham gia hội chợ, triển lãm trong nước nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/lần tham gia và không quá 02 lần tham gia/năm;

b) Hỗ trợ 100% chi phí tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài, gồm chi phí thuê gian hàng chung của thành phố; chi phí trang trí, vận chuyển tư liệu, hàng hóa trưng bày chung của thành phố. Trường hợp nhà đầu tư thuê gian hàng riêng tại hội chợ triển lãm, hỗ trợ 50% chi phí thuê 01 gian hàng tiêu chuẩn và tối đa không quá 20 triệu đồng/gian hàng chuẩn khi tham gia tại khu vực Châu Á, không quá 40 triệu đồng/gian hàng khi tham gia tại khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ; không quá 50 triệu đồng/gian hàng khi tham gia tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh. Thành phố hỗ trợ tối đa 01 lần tham gia/năm;

c) Hỗ trợ tối đa đến 50% chi phí tiếp cận thông tin thị trường và phí dịch vụ hợp đồng kinh tế đối ngoại đối với cơ quan thương vụ, tham tán thương mại của Việt Nam tại nước ngoài thực hiện các công việc như: giao dịch tìm kiếm đối tác, đàm phán ký kết hợp đồng kinh tế... với các tổ chức kinh tế nước ngoài, nhưng không quá 20 triệu đồng/lần và tối đa không quá 02 lần/nhà đầu tư;

d) Miễn phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng, Sở Công Thương và Trung tâm Xúc tiến đầu tư thành phố Đà Nẵng;

đ) Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng website thương mại điện tử nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/lần và hỗ trợ tối đa 01 lần/nhà đầu tư.

## **Chương III**

### **CÁC CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **Điều 13. Đất đai**

1. Thành phố quy hoạch, thành lập, xây dựng khu, cụm công nghiệp mới phục vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ. Đối với khu công nghiệp hỗ trợ mới thành lập, thành phố ưu tiên dành tỷ lệ đất công nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án

sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên thuê làm mặt bằng sản xuất kinh doanh.

2. Dự án đầu tư mới và đầu tư mở rộng của doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được hưởng các ưu đãi trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố như sau:

a) Được hỗ trợ 50% tiền sử dụng hạ tầng trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm khởi công dự án và 50% tiền xử lý nước thải trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm dự án đưa vào hoạt động, nhưng tối đa không quá 50% tiền sử dụng hạ tầng và 50% tiền xử lý nước thải trong Khu Công nghệ cao Đà Nẵng theo quy định hiện hành. Trường hợp dự án khởi công hoặc đưa vào hoạt động trước khi được xác nhận ưu đãi không quá 06 tháng thì ưu đãi tính từ thời điểm xác nhận ưu đãi;

b) Trường hợp sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của Chính phủ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP thì được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai;

c) Được hưởng các ưu đãi khác theo quy định hiện hành đối với khu, cụm công nghiệp.

#### **Điều 14. Vốn tín dụng đầu tư**

1. Dự án đầu tư mới và đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được xem xét vay với lãi suất đặc biệt ưu đãi từ Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng theo quy định hiện hành.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án đầu tư mới và đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được vay tối đa đến 70% vốn đầu tư tại các tổ chức tín dụng trên cơ sở bảo lãnh của Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Đà Nẵng theo quy định khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP.

#### **Điều 15. Bảo vệ môi trường**

Dự án đầu tư mới và đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên được vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường thành phố Đà Nẵng theo quy định hiện hành cho hạng mục xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của Dự án.

### **Chương IV**

## **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT DUYỆT HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI VÀ HẬU KIỂM HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI**

#### **Điều 16. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư**

1. Thành phần hồ sơ quy định chung cho các nội dung đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư (Mẫu số 1 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này);

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao);

c) Cam kết bảo vệ môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (bản sao).

d) Hồ sơ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của năm trước liền kề (bản sao);

đ) Tài liệu chứng minh các hoạt động vì cộng đồng, an sinh xã hội (nếu có).

2. Tùy từng nội dung đề nghị hỗ trợ cụ thể, nhà đầu tư bổ sung thành phần hồ sơ như sau:

a) Trường hợp đề nghị hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 Quy định này:

- Báo cáo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của công nghệ đã được nghiên cứu và phát triển (Mẫu số 4 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này);

- Các hợp đồng, hóa đơn chứng từ liên quan.

- Các hồ sơ liên quan về sở hữu trí tuệ, chất lượng sản phẩm (bản sao, nếu có).

b) Trường hợp đề nghị hỗ trợ sản xuất thử nghiệm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 Quy định này:

- Báo cáo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của dự án sản xuất thử nghiệm (Mẫu số 5 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này); Mẫu hoặc hình ảnh sản phẩm sản xuất thử nghiệm;

- Các hợp đồng, hóa đơn chứng từ liên quan.

- Các hồ sơ liên quan về sở hữu trí tuệ, chất lượng sản phẩm (bản sao, nếu có).

c) Trường hợp đề nghị hỗ trợ đầu tư trang thiết bị nghiên cứu quy định tại Khoản 3 Điều 8 Quy định này:

- Hợp đồng đầu tư trang thiết bị nghiên cứu và hóa đơn, chứng từ liên quan (bản sao); hình ảnh trang thiết bị nghiên cứu;

- Báo cáo dự án đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu (Mẫu số 6 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này).

d) Trường hợp đề nghị hỗ trợ chuyển giao, đổi mới, cải tiến công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 9 Quy định này:

- Báo cáo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật sau khi đầu tư chuyển giao, đổi mới, cải tiến công nghệ (Mẫu số 7 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này);

- Hợp đồng chuyển giao, đổi mới, cải tiến công nghệ, mua thiết bị công nghệ và các hóa đơn, chứng từ liên quan (bản sao); hình ảnh thiết bị công nghệ (nếu có).

đ) Trường hợp đề nghị hỗ trợ chế tạo thử nghiệm quy định tại Khoản 3 Điều 9 Quy định này:



- Báo cáo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của dự án chế tạo thử nghiệm (Mẫu số 8 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này); Mẫu hoặc hình ảnh sản phẩm chế tạo thử nghiệm;

- Các hợp đồng, hóa đơn chứng từ liên quan.

- Các hồ sơ liên quan về sở hữu trí tuệ, chất lượng sản phẩm (bản sao, nếu có).

e) Trường hợp đề nghị hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh quy định tại Điều 10 Quy định này:

- Báo cáo dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên (Mẫu số 9 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này);

- Bảng chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn; chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy; chứng nhận sở hữu trí tuệ, sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp (bản sao);

g) Trường hợp đề nghị hỗ trợ đào tạo nghề quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 11 Quy định này:

- Báo cáo dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên (Mẫu số 9 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này);

- Kế hoạch đào tạo nghề của nhà đầu tư kèm theo danh sách lao động được đào tạo;

- Hợp đồng đào tạo nghề với cơ sở đào tạo và hóa đơn, chứng từ liên quan (bản sao);

- Hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 tháng trở lên đối với lao động sau khi được đào tạo (bản sao).

h) Trường hợp đề nghị hỗ trợ xúc tiến thương mại, phát triển thị trường quy định tại Điều 12 Quy định này:

- Báo cáo dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên (Mẫu số 9 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này);

- Hợp đồng và hóa đơn, chứng từ liên quan (bản sao).

**Điều 17. Trình tự, thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư**

### **1. Trình tự thực hiện**

a) Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ và gửi trực tiếp đến Sở Công Thương;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ theo quy định; Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, tùy theo tính chất của hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản hoặc tổ chức họp thẩm định để

lấy ý kiến của các cơ quan liên quan (trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở). Trường hợp lấy ý kiến của các cơ quan liên quan bằng văn bản, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Công Thương và hồ sơ của nhà đầu tư, các cơ quan liên quan phải có ý kiến trả lời bằng văn bản. Quá thời hạn nêu trên, các cơ quan được lấy ý kiến nếu chưa có ý kiến trả lời bằng văn bản thì xem như thống nhất với hồ sơ và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Công Thương có văn bản thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, phê duyệt; đồng thời có văn bản thông báo nhà đầu tư về kết quả thẩm định;

đ) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định mức kinh phí hỗ trợ.

Thời hạn thẩm định hồ sơ kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đến khi có văn bản thông báo kết quả thẩm định của Sở Công Thương không quá 20 ngày làm việc.

## **2. Nội dung thẩm định**

a) Sự phù hợp của dự án đầu tư với Danh mục ưu tiên và sự cần thiết với sự phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng;

b) Sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của nội dung đề nghị hỗ trợ.

## **3. Cơ quan thẩm định**

a) Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ;

b) Sở Khoa học và Công nghệ tham gia ý kiến về giải pháp công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư và hiệu quả kinh tế - xã hội của nội dung đề nghị hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, chuyển giao, đổi mới công nghệ;

c) Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến về giải pháp bảo vệ môi trường trong dự án đầu tư;

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia ý kiến về nội dung đào tạo nghề;

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tham gia ý kiến về hiệu quả kinh tế xã hội của các nội dung đề nghị hỗ trợ.

## **Điều 18. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ theo hình thức hỗ trợ theo tiến độ dự án**

Trường hợp đề nghị hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên theo hình thức hỗ trợ theo tiến độ dự án, thành phần hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí theo hình thức hỗ trợ theo tiến độ dự án (Mẫu số 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này).

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao).

3. Báo cáo đề xuất dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ (Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này).

4. Hồ sơ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của năm trước liền kề (bản sao).

5. Tài liệu chứng minh các hoạt động vì cộng đồng, an sinh xã hội (nếu có).

## **Điều 19. Trình tự, thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ theo hình thức hỗ trợ theo tiến độ dự án**

### **1. Trình tự thực hiện**

a) Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ và gửi trực tiếp đến Sở Công Thương;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ theo quy định; Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tham mưu tổ chức họp Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng kiểm tra thực tế tại cơ sở;

d) Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Công Thương có văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, phê duyệt; đồng thời có văn bản thông báo nhà đầu tư về kết quả thẩm định;

đ) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Công Thương và kết quả thẩm định của Hội đồng, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định mức kinh phí hỗ trợ.

Thời hạn thẩm định hồ sơ kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đến khi có văn bản thông báo kết quả thẩm định của Sở Công Thương không quá 30 ngày làm việc.

### **2. Hội đồng thẩm định**

Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định thành lập. Sở Công Thương là cơ quan thường trực của Hội đồng. Hội đồng sử dụng con dấu của Sở Công Thương trong thời gian thực hiện nhiệm vụ và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

a) Thành phần Hội đồng:

- Hội đồng thẩm định gồm các thành viên sau:

+ Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Công Thương;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Giám đốc Sở Công Thương phụ trách lĩnh vực công nghiệp;

- + Ủy viên thường trực Hội đồng: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ;
- + Các Ủy viên Hội đồng là các đại diện lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố, các tổ chức, chuyên gia khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng:

- Xem xét, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của giải pháp công nghệ, khả năng áp dụng của công nghệ vào quy trình sản xuất, sự cần thiết của giải pháp công nghệ với sự phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng.

- Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các hạng mục đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ theo mục đích, tiến độ đã cam kết. Căn cứ kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu của Hội đồng, Sở Công Thương tiến hành giải ngân theo quy định. Trường hợp kết quả nghiệm thu không đạt yêu cầu, nhà đầu tư phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã hỗ trợ.

- Trường hợp kết quả nghiệm thu không đạt yêu cầu do yếu tố khách quan hoặc rủi ro không lường trước, nhà đầu tư được miễn, giảm kinh phí thu hồi. Hội đồng xác định mức miễn, giảm kinh phí thu hồi, trình Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định trong trường hợp này.

c) Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

- Dân chủ, công khai và minh bạch theo đúng quy định của pháp luật.

- Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và theo nguyên tắc đa số thông qua dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (khi được ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng). Cuộc họp của Hội đồng được tổ chức khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự.

**Điều 20. Hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi**

1. Đơn đề nghị xác nhận ưu đãi (Mẫu số 3 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này).

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao).

3. Báo cáo dự án đầu tư sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên (Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này trong trường hợp dự án đầu tư mới và Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này trong trường hợp dự án đầu tư mở rộng).

4. Trường hợp dự án đầu tư mở rộng, bổ sung báo cáo kiểm toán độc lập hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi (bản sao).

5. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc xác nhận

hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (bản sao); hồ sơ bảo vệ môi trường liên quan (bản sao).

## **Điều 21. Trình tự, thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi**

### **1. Trình tự thực hiện**

- a) Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ và gửi trực tiếp đến Sở Công Thương;
- b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ theo quy định; Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan;
- d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Công Thương và hồ sơ của nhà đầu tư, các cơ quan liên quan có ý kiến trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình. Quá thời hạn nêu trên, các cơ quan được lấy ý kiến nếu chưa có ý kiến trả lời bằng văn bản thì xem như thống nhất với hồ sơ và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Công Thương có văn bản thẩm định và thông báo nhà đầu tư kết quả xác nhận ưu đãi.

Thời hạn thẩm định hồ sơ kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đến khi có văn bản thông báo kết quả thẩm định của Sở Công Thương không quá 20 ngày làm việc.

### **2. Nội dung thẩm định**

- a) Sự phù hợp của dự án sản xuất đối với Danh mục ưu tiên;
- b) Thủ tục pháp lý của dự án;
- c) Tính khả thi, hợp lý của các giải pháp kỹ thuật - công nghệ áp dụng trong sản xuất của dự án;
- d) Năng lực tài chính, hiệu quả đầu tư của dự án;
- đ) Khả năng đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường của dự án.

### **3. Cơ quan thẩm định**

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng và Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Đà Nẵng thẩm định hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi của nhà đầu tư.

## **Điều 22. Hậu kiểm hỗ trợ, ưu đãi**

1. Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các dự án sản xuất sản phẩm CNHT được hưởng ưu đãi, hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xử lý các trường hợp sai phạm, vấn đề, vướng mắc liên quan.

2. Nội dung kiểm tra: hồ sơ pháp lý; cơ sở vật chất; sản phẩm của dự án được hưởng ưu đãi, hỗ trợ; tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. Các trường hợp bị thu hồi hỗ trợ, ưu đãi:

a) Khai báo không trung thực và sử dụng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi không đúng mục đích;

b) Trong quá trình sản xuất có sự thay đổi về sản phẩm đang được hưởng ưu đãi mà nhà đầu tư không báo cáo với Sở Công Thương;

c) Sau thời gian 18 tháng kể từ thời điểm được xác nhận ưu đãi, dự án không có sản phẩm theo đăng ký đã được xác nhận ưu đãi;

d) Các sai phạm khác theo kiến nghị của đoàn kiểm tra.

4. Nhà đầu tư sai phạm có trách nhiệm hoàn trả các ưu đãi, hỗ trợ đã được hưởng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi sai phạm.

## **Chương V** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 23. Trách nhiệm của nhà đầu tư**

1. Sử dụng các hỗ trợ, ưu đãi đúng mục đích và có hiệu quả.

2. Định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm CNHT được hưởng ưu đãi, hỗ trợ. Nội dung báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh gồm: vốn đầu tư thực hiện; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; thông tin về lao động, doanh thu, giá trị xuất khẩu và nộp ngân sách và các chỉ tiêu chuyên ngành khác.

### **Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước**

1. Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng, có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, khuyến khích, vận động tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tham gia phát triển CNHT;

b) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ và tổng hợp vào dự toán ngân sách trong kế hoạch hàng năm của Sở Công Thương, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phê duyệt theo quy định;

c) Rà soát, cập nhật Danh mục ưu tiên phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của thành phố Đà Nẵng theo từng thời kỳ, trình Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phê duyệt;

d) Tổ chức hướng dẫn, tiếp nhận, tổng hợp, xử lý hồ sơ của các nhà đầu tư đề nghị hỗ trợ kinh phí phát triển CNHT; tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ và xác nhận ưu đãi; thông báo kết quả hỗ trợ, ưu đãi;

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các dự án CNHT được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;

e) Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thu hút, huy động vốn đầu tư và các nguồn lực phát triển CNHT thành phố Đà Nẵng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị hỗ trợ và xác nhận ưu đãi.

3. Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư thủ tục hưởng ưu đãi về vốn tín dụng đầu tư.

4. Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thủ tục hưởng bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia phát triển CNHT theo quy định.

5. Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Đà Nẵng và Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư thủ tục về giao đất, thuê đất và hưởng các ưu đãi trong các khu công nghiệp, khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

6. Trung tâm Xúc tiến đầu tư thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xúc tiến, thu hút đầu tư phát triển CNHT thành phố Đà Nẵng.

7. Ủy ban nhân dân các quận, huyện; các hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin, vận động doanh nghiệp tham gia phát triển CNHT thành phố Đà Nẵng.

**Điều 25.** Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan chức năng, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Đức Thơ**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ƯU TIÊN**  
**PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

**I. Ngành dệt may**

- Sợi dệt kim, sợi dệt thoi; sợi Polyester có độ bền cao, sợi Spandex, nylon có độ bền cao;
- Vải: Vải kỹ thuật, vải không dệt, vải dệt kim, vải dệt thoi;
- Chi may, cúc, mex, khóa kéo, băng chun.

**II. Ngành da giày**

- Đề giày, mũi giày, dây giày, chỉ may giày;
- Keo dán giày, phụ liệu trang trí như khóa, khoen, móc...

**III. Ngành điện tử**

- Linh kiện điện tử - quang điện cơ bản: Transistor, mạch tích hợp, cảm biến, điện trở, tụ, điôt, ăngten, thyristor;
- Linh kiện thạch anh;
- Vi mạch điện tử;
- Vật liệu sản xuất linh kiện điện tử: chất bán dẫn, vật liệu từ cứng, vật liệu từ mềm, chất cách điện tích cực;
- Linh kiện sản phẩm điện tử: linh kiện nhựa, linh kiện cao su, chi tiết cơ - điện tử, linh kiện kính;
- Pin dùng cho máy vi tính xách tay, điện thoại di động;
- Dây và cáp điện, đèn led, tai nghe điện thoại và loa;
- Sạc pin điện thoại;
- Màn hình các loại;

**IV. Ngành sản xuất lắp ráp ô tô**

- Động cơ và chi tiết động cơ: thân máy, piston, trục khuỷu, thanh truyền, bánh răng, cụm ống xả, xi lanh, cụm đầu xi lanh, trục cam, xéc-măng, van động cơ;
- Hệ thống bôi trơn: bộ lọc dầu, bộ làm mát, bộ tản nhiệt, bơm dầu, các loại van;
- Hệ thống làm mát: bộ tản nhiệt, két nước, quạt gió, van hằng nhiệt, bơm nước;
- Hệ thống cung cấp nhiên liệu: thùng nhiên liệu, bộ lọc nhiên liệu, bộ lọc không khí, ống dẫn bơm nhiên liệu, bộ chế hòa khí, hệ thống phun nhiên liệu;



- Khung - thân vỏ - cửa xe: Các chi tiết dạng tấm đột dập, sắt xi, thùng xe tải, bậc lên xuống, cụm cửa xe;
- Hệ thống treo: nhíp, lò xo đàn hồi, bộ giảm chấn;
- Bánh xe: lốp xe, vành bánh xe bằng hợp kim nhôm;
- Hệ thống truyền lực: ly hợp, hộp số, cầu xe, trục các đăng;
- Hệ thống lái;
- Hệ thống phanh;
- Linh kiện điện - điện tử:
  - + Nguồn điện: ắc quy, máy phát điện;
  - + Thiết bị đánh lửa: bugi, cao áp, biến áp;
  - + Rơ le khởi động, động cơ điện khởi động;
  - + Dây điện, đầu nối, cầu chì, các loại cảm biến, thiết bị tự động điều khiển, tự động hóa;
- Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu: đèn, coi, đồng hồ đo các loại;
- Hệ thống xử lý khí thải ô tô;
- Linh kiện nhựa cho ô tô;
- Linh kiện cao su, vật liệu giảm chấn;
- Kính chắn gió, cần gạt nước, ghế xe;

#### **V. Ngành cơ khí chế tạo**

- Khuôn mẫu, đồ gá: khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá gia công, đồ gá kiểm tra;
- Dụng cụ - dao cắt: dao tiện, dao phay, mũi khoan;
- Linh kiện và phụ tùng máy gia công cơ khí, máy hàn, máy động lực, máy nông nghiệp, đóng tàu;
  - Dụng cụ đo lường, kiểm tra dùng trong cơ khí: thước đo, máy đo 3 chiều, máy phân tích thành phần kim loại, máy siêu âm môi hàn;
  - Chi tiết máy: bu lông, ốc vít, ổ bi, bạc lót, bánh răng, van, khớp các loại, vỏ máy, chi tiết đột dập, hộp biến tốc, xi lanh thủy lực;

#### **VI. Ngành công nghiệp công nghệ cao**

- Các loại khuôn mẫu: khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao;
- Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp;

- Các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử cho các thiết bị: thiết bị ngoại vi, máy vi tính, đồ điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, pin mặt trời, các loại chip vi xử lý, các bộ điều khiển (bộ điều khiển khả trình PLC, bộ điều khiển CNC,...);

- Các cụm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo;

- Các loại chi tiết nhựa chất lượng cao: các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa;

- Cảm biến các loại: cảm biến khí, cảm biến gia tốc, cảm biến từ trường, cảm biến sinh học, cảm biến nhiệt độ, cảm biến độ ẩm, cảm biến ánh sáng, cảm biến áp suất...;

- Các loại động cơ thế hệ mới: động cơ điện, động cơ ồ từ, động cơ servo (động cơ bước), động cơ từ kháng, động cơ tuyến tính;

- Các cơ cấu chấp hành có độ chính xác cao.

## **VII. Sản phẩm khác**

- Bao bì chất lượng cao.

- Gia công xi mạ xử lý bề mặt.

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho ngành hàng không./.

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC BIỂU MẪU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

Mẫu số 1	Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư
Mẫu số 2	Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí theo hình thức hỗ trợ theo tiến độ dự án
Mẫu số 3	Đơn đề nghị xác nhận ưu đãi
Mẫu số 4	Báo cáo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ
Mẫu số 5	Báo cáo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật dự án sản xuất thử nghiệm
Mẫu số 6	Báo cáo dự án đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển công nghệ
Mẫu số 7	Báo cáo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật dự án chuyển giao đổi mới công nghệ
Mẫu số 8	Báo cáo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật dự án chế tạo thử nghiệm
Mẫu số 9	Báo cáo dự án sản xuất sản phẩm CNHT
Mẫu số 10	Báo cáo đề xuất dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ
Mẫu số 11	Báo cáo dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm CNHT
Mẫu số 12	Báo cáo dự án đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm CNHT